

Nỗi Đau Thăng Long

Phạm Thảo Nguyên



Năm 1813, Nguyễn Du được vua Gia Long thăng Cản Chánh điện học sĩ, làm Chánh sứ đi Trung Hoa triều cống. Được qua Bắc Thành (tên mới của Thăng Long), nhìn núi Tản sông Lô hùng vĩ, thi hào vui mừng hào hứng bộc lộ trong hai câu đầu bài thơ Thăng Long:

*Tản Lĩnh Lô Giang tuế tuế đồng
Bạch đầu do đặc kiến Thăng Long*

*Núi Tản sông Lô mãi mãi đồng
Bạc đầu còn được thấy Thăng Long!*

Ôi Thăng Long! Ôi Thăng Long thành xưa!

Người Thăng Long nào mà chẳng muốn nhìn lại thành xưa, những nơi đẹp đẽ của quá khứ, may ra còn vương lại chút gì chẳng? Từ 1793, dưới triều Tây Sơn, thi hào rời Thăng Long, lúc ấy Thăng Long của chàng thanh niên sinh ra và lớn lên tại đây còn nguyên vẹn:

*... Này đường về phố cũ. Này đường về ô xưa
Nét xưa ngàn năm mờ phai khi tàn mơ
(Thăng Long Hành Khúc, Văn Cao)*

Văn Cao, người thời nay không sinh trưởng tại đây còn nhớ Thăng Long như thế, nữa là người thời xưa, nữa là Chiêu Bấy Nguyễn Du!

Nhưng lập tức trong hai câu thực của bài thơ Thăng Long Nguyễn Du đã mở tung sự thật: Thăng Long yêu quý đã bị phá tan, đã biến đổi tàn khốc rồi! (Hiện nay nhiều nhà khảo cổ đã có kết luận rằng tất cả những dấu tích của Thăng Long xưa từ thời nhà Lý đã bị xoá sạch, từ đàn Nam Giao đến các cung điện thành quách... Thêm lệnh cấm nói tới Tây Sơn, ngay cả nói tới các chúa Trịnh, cùng mài cái tấm bia cũ đi... nên con dân Lạc Việt thời nay không còn nhớ biết gì hết! Quên hết dĩ vãng!). Dưới đây là hai hình ảnh ngay trước mắt:

*Thiên niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cố cung!*

*Ngàn năm dinh thự thành đường cái
Một giải thành xây mất cố cung!*

Dinh thự ngàn năm (nhà ta xưa ở đó), bây giờ đã bị phá đi xây đường cái đè lên cho xe cộ người vật đi lại suốt ngày đêm rồi. Còn cung điện vua cũ? Bị đập nát, vùi đi, dựng một bức thành mới lên trên rồi! Mà ai phá? Chính vua nhà Nguyễn chứ ai! Việc này là do lệnh Gia Long (1806), không phải do chiến tranh. Lệnh trong thời bình từ một triều đình người Việt, phá tan cả một nền văn hoá dài ngàn năm, do bao nhiêu tổ tiên triều trước xây dựng nên trên đất nước này.

Hơn nữa, theo phong thuỷ, phá thành cũ xây đường cái lên, dựng thành mới đè lên cố cung của vua chúa cũ, là cách yểm đất để vùi dập tất cả tương lai. (Anh Nguyễn Khản, em Nguyễn Ước chuyên về kiến trúc, Nguyễn Du không thể không biết về phong thuỷ). Chắc chắn Nguyễn Du hiểu rõ khi viết ba chữ một cố cung. “Một” nghĩa là vùi lấp, là chìm mất, là chết, là hết, là không còn, là “mai một”.

(Thế mà đi sứ về Nguyễn Du không sợ, dám cho phát hành tập Bắc Hành!).

Điểm cuối cùng của chuyến ghé Long Thành là đêm tiệc chiêu đãi sứ đoàn của đương kim tuyên phủ Bắc Thành Nguyễn Huỳnh Đức. Sau hai mươi năm xa vắng, Nguyễn Du dưới mũ áo quan chánh sứ khâm sai đại

thần, bước vào dự đêm đại tiệc chiêu đãi chính ông, người Thăng Long cũ trở về: “Kể văn, cảm thanh thanh việt, quỳnh dị thời khúc, tâm dị chi” (Bắt chợt nghe thấy vút lên một tiếng đàn trong trời, khác hẳn các khúc nhạc đương thời) (Tiểu Dẫn của Nguyễn Du, Đào Duy Anh dịch, Thơ Chữ Hán Nguyễn Du, 1988 sđd).



Ồi, Khúc đàn xưa xuất hiện! Vừa lọt tai, lắng tiếng, lòng người đã tràn ngập nhớ thương! Ồi, có lẽ nào! Khúc đàn xưa đang rung lên trong không gian, đang nức nở đánh thức tâm tư sâu thẳm của người nghe, kêu gọi tới nơi tận cùng của ý tứ, của những niềm riêng đã từ lâu im ắng... Người nghệ sĩ Nguyễn Du thường thức âm nhạc bằng cả tâm hồn mình, đã nhận rõ từng uẩn khúc: Diễm ảo mà kỳ lạ thay: Âm thanh du dương thánh thót kia ẩn dấu giọt lệ tủi hờn. Lập tức trong sâu thẳm lòng ông, tiếng đàn ngày cũ nổi lên cùng tiếng đàn đêm nay ẩn hiện chập trùng: Quá khứ, hiện tại trộn lẫn vào nhau không phân biệt, mang mang đưa người vào cơn mơ siêu thực trong Long Thành hư ảo. Trong lòng ông hình bóng Nàng Cầm của những ngày xưa cũ hiện về. Bài Long Thành Cầm Giả Ca diễn tả:

*Cựu khúc thanh thanh ám lệ thủy
Nhĩ trung tĩnh tĩnh tâm trung bi
Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự
Giám hồ tịch trung tầng kiến chi...*

*Khúc xưa thánh thót ẩn lệ rơi
Tai nghe lắng tiếng dạ bồi hồi
Bỗng nhiên nhớ lại chuyện hai mươi năm về trước
Hò Giám đêm hát từng thấy rồi*

(Tuy lúc này thi hào còn lầm tưởng rằng người tấu đàn ngồi cuối chiếu đêm nay là người mình chưa từng biết, có hình hài Sắc tàn mi úa không trang điểm.)

Thật bất ngờ, quá khứ không đợi mà về, trùng trùng không dứt, tung lên dạt xuống, dày vò kẻ tha hương vừa trở lại. Tất cả quá khứ hiện tại, hiện tại quá khứ suốt hơn hai mươi năm biến động bỗng như trộn lẫn vào nhau, cùng biểu hiện trong lòng thi sĩ: Quá khứ thời Tây Sơn khi ông lần đầu được nghe khúc đàn do Nàng Cầm tấu, và quá khứ của quá khứ vì khúc đàn đó chính là khúc Cung Phụng của Đại Nội triều Lê xưa. Từ thành quách cơ nghiệp oai hùng của triều đại Tây Sơn, tướng tá hào hoa... thoát chốc, tan tành hết, tiêu tan hết chỉ còn một nàng đào nương tàn tạ ngồi kia đang tấu khúc đàn xưa làm nhân chứng:

*Thành quách suy di nhân sự cải
Kỷ xứ tang điền biến thương hải
Tây Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong
Ca vũ không di nhất nhân tại*

*Thành quách tàn đi, người thay đổi
Bao nhiêu ruộng dâu thành biển khơi
Cơ nghiệp Tây Sơn tan tành hết
Đào nương còn đó, một nàng thôi.*

Người nghệ sĩ trong ông rung động theo tiếng đàn, chơi vui giữa bây giờ và ngày ấy. Sự tinh tế đã lên đến tuyệt đỉnh của cả người tấu nhạc lẫn người nghe. Bởi vì, hình như lúc ấy trong toà thành mới xây, có hai người tri kỷ đang trùng phùng trong từng tiếng đàn thánh thót tràn ngập xúc động tự ngày xưa.

Đêm hát qua đi, tiếng đàn vẫn lẫn khuất đâu đây trong không gian, và trong hồn người lữ khách mới trở về. Khiến quan chánh sứ phải tìm người dò hỏi: “tức kỳ nhân dã”(thì ra người ấy, Tiểu Dẫn, Nguyễn Du). Niềm thương xót dâng trào, mắt thơ đầm đìa những lệ. Kiệt tác văn chương Long Thành Cầm Giả Ca được thi hào viết ra trên đường đi sứ tiếp theo. Bút pháp tuyệt vời của Nguyễn Du như nhảy múa, như chao đảo. Tiếng thơ vang lên như cơn say:

*Thuần tức bách niên năng kỹ thi
Thương tâm vắng sự lệ triêm y*

*Trăm năm thoáng chốc đáng bao nhĩ
Đau lòng ướt áo lệ trào mi*

Hai câu kết là:

*Song nhãn trừng trừng không tưởng tượng
Khả liên đối diện bất tương tri.*

*Đôi mắt trừng trừng không tưởng
Thương ôi, đối mặt chẳng biết gì!*

Đúng là trong buổi tiệc Nguyễn Du đã không nhận ra Nàng Cầm, và đúng là Nguyễn Du không biết rằng Nàng Cầm đã nhận ra Nguyễn Du! Đêm nay, cô được giáo phường gọi tới đàn giúp vui tiệc chiêu đãi khâm sai đại thần cùng sứ đoàn. Cả thành ai cũng biết, cũng xì xào vì quan chánh sứ là người Thăng Long cũ, con em quan tham tụng, tể tướng thời vua Lê chúa Trịnh xưa, tên là Nguyễn Du! Ôi chàng trẻ tuổi Nguyễn Du xưa, nếu không phải người tình thời niên thiếu, thì cũng là người bạn tri âm của Nàng Cầm thuở ấy. Cuộc đời một đào nương được mấy tri âm? Làm sao mà quên được? Phải chăng nàng vẫn trông ngóng đợi chờ người đó từ bấy đến nay?

Nhưng Nàng Cầm tài giỏi xinh đẹp khả ái ngày xưa, một “Hoạt tở Tràng an vô giá bảo”, báu vật vô giá của kinh thành Thăng Long cũ, trong đêm tiệc chiêu đãi quan chánh sứ tại Long Thành, đã xuất hiện rất khác lạ dưới mắt khách quan của Nguyễn Du như sau:

*...Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa
Nhan xấu thần khô hình lược tiểu
Lang tạ tàn mi bất sức trang*

*... Cuối chiếu có nàng tóc pha bạc
Võ vàng nhỏ bé mặt ủ ê
Sắc tàn mi úa không trang điểm...*

Vẻ khác lạ đó được tả kỹ càng, tỉ mỉ hơn nữa trong bài Tiểu Dẫn:

“Thị kỳ nhân nhan xấu thần khô, diện hắc, sắc như quỷ, y phục tịnh thô bố, bại bôi sắc, đa bạch bổ, mặc toạ tịch mặt, bất ngôn diệc bất tiếu, kỳ trang đãi bất kham giả bất phục tri vị thủy hà”

(Người gầy gò, vẻ tiều tụy, mặt đen, xấu như quỷ, áo quần toàn vải thô, bạc thếp thêm nhiều mảnh vá trắng, ngồi im ở cuối chiếu, không nói cũng không cười, hình dáng thật khó coi. (Đào Duy Anh dịch, sđd)), khiến cho Nguyễn Du trông thấy mà hoàn toàn không nhận ra người cũ.

Việc này thật lạ thường, trên đời, xưa cũng như nay, không một đào nương ca sĩ nào khi đi biểu diễn tại các nơi quan khách cấp nhà nước, mà không làm đẹp, không ăn mặc lộng lẫy chải chuốt, mà trái lại, dám phục sức lem luốc như thế. Nhất là những mảnh vải trắng vá đụp (!) trên sống áo hiện ra lồ lộ như đập vào mắt mọi người. Chúng tôi nghĩ rằng giáo phường phải được biết trước. Họ đã đồng ý cho phép, hay đồng lõa che chở cho Nàng Cầm phục sức như vậy. Nếu không, cô đã không thể đi tới được buổi tiệc, hay bị đuổi ra khỏi dinh ngay từ đầu.

Thêm nữa, thật ra Nàng Cầm chưa hề già! Thi sĩ gặp cô lần đầu sau khi Tây Sơn đại phá trận Đống Đa, chiếm Thăng Long, Nguyễn Nể đi sứ Tàu về, vào năm 1790. Lúc đó cô mới được “tam thất chính phương niên” (Ba lần bảy, tức 21 tuổi). Tới 1813, tức 23 năm sau, cô 44 tuổi, tuổi chín tới của một người đàn bà. Cô là đào nương có tuyệt kỹ chơi đàn Nguyệt, nổi tiếng không ai bì kịp. Giáo phường vẫn biết trọng tài nghệ của cô. Cô vẫn được mời đi tấu nhạc. Nếu không được vinh quang như ngày xưa kia, thì cũng không đến nỗi ba đào lênh đênh. Không có lý do gì làm cô tiều tụy nhanh như thế! Ai cũng biết người đàn bà Á Đông thường trẻ lâu hơn

tuổi. Vì vậy, phải chăng cô cố ý hoá trang, cố ý ăn mặc tang thương như đang để tang Thăng Long? Phải chăng vì cô muốn Nguyễn Du biết tới nỗi đau Thăng Long, của người Thăng Long? của thành Thăng Long? Hành động của cô như muốn gửi đi một thông điệp. Có thể như sau: “*Hỡi chàng thi sĩ ngày xưa nghèo khổ, sống đời giang hồ trốn tránh ngoài bãi sông, được anh ruột làm quan cho Tây Sơn bao bọc che chở. Hôm nay vinh hiển trở về. Nghe tiếng đàn xưa của ta, có nhớ thời xưa, người xưa chẳng tá? Ngày xưa anh luân lạc phù Lê, bây giờ anh phù ai? Phù cái triều đình đã đập phá tan tành thành Thăng Long của chúng ta đấy ư? Anh có biết dân chúng Thăng Long khổ như thế nào không?*”

Đồng thời, cô là một nghệ sĩ bậc nhất, một người đàn bà nhan sắc, có cá tính rất mạnh (Tiểu Dẫn). Từ khi biết khách chính đêm tiệc là Nguyễn Du, cô muốn được gặp, được thấy lại chàng thi sĩ của ngày xưa. Cô hiểu đây là một đặc ân tuyệt diệu, một cơ hội đẹp nhất mà cuộc đời dành lại cho cô: Được đàn cho Nguyễn Du, người tri âm cũ nghe một lần cuối trong đời. Cho nên, cô mang hết tuyệt kỹ, hết lòng mình gửi vào khúc Cung Phụng để tặng người, và cũng để người hiểu nỗi đau Thăng Long, một lần cuối này thôi. Cho nên, tiếng đàn mới “nức nở” như ở đây, mới “ấn lệ rơi” như ở đây.

Vì thế, người nghệ sĩ Nguyễn Du, dù chưa nhận ra cô, mới nghe tiếng đàn, đã hiểu thâm sâu hồn người tấu nhạc, đã lập tức cảm thấy lòng đầy bi thương (tâm trung bi), với hình ảnh lồng lộng diễm ảo của Nàng Cầm trong quá khứ:

Giám hồ tịch trung tầng kiến chi...

Hồ Giám đêm hát từng thấy rồi

Và thi hào đã tiếc nuối tột cùng khi hiểu được người đánh đàn là ai:

*...Nam hà quy lai đầu tận bạch
Quái để giai nhân nhan sắc suy
Song nhãn trừng trừng không tưởng tượng
Khả liên đối diện bất tương tri.*

*Nam hà trở lại ta trắng tóc
Lạ gì người đẹp sắc phai đi
Đôi mắt trừng trừng không tưởng nổi
Thương ôi! Đối mặt chẳng biết gì!*

Đêm hát kết thúc, Nàng Cầm lặng lẽ theo giáo phường ra về. Cô đã thực hiện được điều cô không bao giờ dám mơ ước trong suốt hai mươi năm trời vắng bóng “người ấy” ở Thăng Long. Còn Nguyễn Du, sau khi biết người tấu nhạc chính là Nàng Cầm, đã “cảm thương vô hạn” cô bạn cũ (Tiểu Dẫn). Thi hào viết bài thơ Long Thành Cầm Giả Ca, để lại cho hậu thế chúng ta những câu thơ thần sầu, xúc động nhất tập Bắc Hành, kỳ lạ nhất của văn chương Việt Nam. Khi sứ đoàn về nước, Nguyễn Du đã cho phát hành khắp nơi tập thơ BẮC HÀNH (theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện (21)). Như vậy, Nàng Cầm chắc đã được đọc bài thơ này, đã cảm được sự an ủi vô cùng từ người bạn tri âm ngày xưa cũ. Và nhất là hành động có chủ ý chứng tỏ nỗi đau của Nàng, của người Thăng Long, của thành Thăng Long đã được Nguyễn Du thấy, hiểu, viết ra, kể lại cho người đọc cả nước, và cho hậu thế chúng ta được biết.

Sau đó ít năm, Nguyễn Hành khổ hơn chú Du nhiều khi trở về Bắc Thành không còn gặp một người quen. Ngỡ ngàng cay đắng thấy mình chỉ là một thằng rách rưới không ai biết đến ngay tại nơi quê hương kinh đô cũ. Nơi đã hoàn toàn thay đổi, không còn tới một vật xưa, trong bài thơ Bắc Thành Lữ Hoài, Tha Thần Bắc Thành sau đây:

*Ngã diệc vi hà giả?
Tịch liêu lai thử thành
Nhãn trung vô cổ vật
Tâm thương hữu dư tình*

*Ta là thằng nào đây?
Lũi mũi tới thành này
Chẳng thấy một vật cũ
Lòng nặng tình quất quay...*

Với hai câu kết:

*Tích niên quý công tử,
Kim đã lão thư sinh.*

*Năm xưa quý công tử.
Lão đồ già, ngày nay.*

Phạm Thảo Nguyên